

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 24111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 26/8/24 Giờ thi: Phòng thi: A1.5

Giám thị 1: Ký tên: _____

Giám thị 2: Ký tên: _____

Giám thị 3: Ký tên: _____

Giám thị 4: Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005	C25LG1		6,0	Sáu, Không	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005	C25LG1		8,0	Tám, Không	
3	2310150025	Y- Bing	20/05/2003	C25LG1		7,0	Bảy, Không	
4	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005	C25LG1		8,3	Tám, ba	
5	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005	C25LG1		7,8	Bảy, tám	
6	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005	C25LG1		8,0	Tám, Không	
7	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005	C25LG1		8,5	Tám, năm	
8	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	C25LG1		7,0	Bảy, Không	
9	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005	C25LG1		7,0	Bảy, Không	
10	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000	C25LG1		8,5	Tám, năm	
11	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997	C25LG1		6,8	Sáu, tám	
12	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005	C25LG1		8,0	Tám, Không	
13	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	C25LG1		8,0	Tám, Không	
14	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	C25LG1		7,3	Bảy, ba	
15	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	C25LG1		8,5	Tám, năm	
16	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005	C25LG1		7,3	Bảy, ba	
17	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005	C25LG1		7,0	Bảy, Không	
18	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005	C25LG1		7,0	Bảy, Không	
19	2310150022	Lê Minh Nhật	24/01/2005	C25LG1		6,8	Sáu, tám	
20	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005	C25LG1		6,8	Sáu, tám	
21	2310150023	Lê Hữu Thắng	13/07/2005	C25LG1		5,5	Năm, năm	
22	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005	C25LG1		7,5	Bảy, năm	
23	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	C25LG1		5,5	Năm, năm	
24	2310150009	Nguyễn Mẫn Vinh	15/07/2005	C25LG1		7,0	Bảy, Không	
25	2310150010	Phạm Ngọc Thảo Vy	03/10/2004	C25LG1		8,5	Tám, năm	
26	2310150004	Nguyễn Hồng Yến	06/11/2005	C25LG1		7,0	Bảy, Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____. / _____.

Ngày 27 tháng 08 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Ngọc Bích

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Bích



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 24111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 20/9/24 Giờ thi: Phòng thi: PMA

Giám thị 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005	C25LG1		7.0	Bảy	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005	C25LG1		6.9	Sáu, chín	
3	2310150025	Y- Bing	20/05/2003	C25LG1		7.6	Bảy, Sáu	
4	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005	C25LG1		7.9	Bảy, chín	
5	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005	C25LG1		7.9	Bảy, chín	
6	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005	C25LG1		7.9	Bảy, chín	
7	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005	C25LG1		7.7	Bảy, bảy	
8	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	C25LG1		5.0	Năm	
9	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005	C25LG1		7.4	Bảy, bốn	
10	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000	C25LG1		7.2	Bảy, hai	
11	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997	C25LG1		7.3	Bảy, ba	
12	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005	C25LG1		7.8	Bảy, tám	
13	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	C25LG1		7.8	Bảy, tám	
14	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	C25LG1		7.6	Bảy, Sáu	
15	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	C25LG1		7.5	Bảy, năm	
16	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005	C25LG1		7.6	Bảy, Sáu	
17	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005	C25LG1		7.6	Bảy, Sáu	
18	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005	C25LG1		7.9	Bảy, chín	
19	2310150022	Lê Minh Nhựt	24/01/2005	C25LG1		7.6	Bảy, Sáu	
20	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005	C25LG1		7.7	Bảy, bảy	
21	2310150023	Lê Hữu Thắng	13/07/2005	C25LG1		-		
22	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005	C25LG1		7.5	Bảy, năm	
23	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	C25LG1		6.5	Sáu, năm	
24	2310150009	Nguyễn Mẫn Vinh	15/07/2005	C25LG1		7.6	Bảy, Sáu	
25	2310150010	Phạm Ngọc Thảo Vy	03/10/2004	C25LG1		7.3	Bảy, ba	
26	2310150004	Nguyễn Hồng Yến	06/11/2005	C25LG1		7.7	Bảy, bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 07 . Số bài thi: _____ / _____.

Ngày 28 tháng 09 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Bích

Ngày 28 tháng 09 năm 2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Bích

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 24111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 26/8/24 Giờ thi: Phòng thi: A1.5

Giám thị 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005	C25LG2	Li	7,0	Bảy, Không	
2	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005	C25LG2	Phu	8,5	Tám, năm	
3	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2	Phu	7,8	Bảy, tám	
4	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002	C25LG2	Phu	7,3	Bảy, ba	
5	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005	C25LG2	Phu	8,8	Tám, tám	
6	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	C25LG2	Phu	7,5	Bảy, năm	
7	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005	C25LG2	Phu	7,0	Bảy, Không	
8	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005	C25LG2	Phu	7,5	Bảy, năm	
9	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005	C25LG2	Phu	8,5	Tám, năm	
10	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005	C25LG2	Phu	6,8	Sáu, tám	
11	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005	C25LG2	Phu	7,5	Bảy, năm	
12	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005	C25LG2	Phu	7,0	Bảy, Không	
13	2310150043	Lê Thái Minh Thư	14/10/2005	C25LG2	Phu	7,5	Bảy, năm	
14	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	C25LG2	Phu	8,8	Tám, tám	
15	2310150042	Nguyễn Cẩm Tự	30/10/2005	C25LG2	Phu	7,0	Bảy, Không	
16	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	26/08/2004	C25LG2	Phu	8,5	Tám, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 0. Số bài thi: 1.

Ngày 27 tháng 08 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Họ Thuận Thùy Minh

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Bích



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 24111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 20/9/24 Giờ thi: Phòng thi: PM1

Giám thị 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005	C25LG2		7.5	Bảy, năm	
2	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005	C25LG2		7.6	Bảy, sáu	
3	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2		6.2	Sáu, hai	
4	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002	C25LG2		7.8	Bảy, tám	
5	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005	C25LG2		7.8	Bảy, tám	
6	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	C25LG2		7.8	Bảy, tám	
7	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005	C25LG2		7.2	Bảy, hai	
8	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005	C25LG2		7.9	Bảy, chín	
9	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005	C25LG2		7.2	Bảy, hai	
10	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005	C25LG2		7.9	Bảy, chín	
11	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005	C25LG2		7.4	Bảy, bốn	
12	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005	C25LG2		7.7	Bảy, bảy	
13	2310150043	Lê Thái Minh Thư	14/10/2005	C25LG2		6.1	Sáu, một	
14	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	C25LG2		6.9	Sáu, chín	
15	2310150042	Nguyễn Cẩm Tự	30/10/2005	C25LG2		7.9	Bảy, chín	
16	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	26/08/2004	C25LG2		7.5	Bảy, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 0. Số bài thi: 16 / 16.

Ngày 20 tháng 09 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 20 tháng 09 năm 2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Bích

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN ¹²

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 24111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 26/8/24 Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.5

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150052	Nguyễn Dương Minh	28/08/2005	C25LG2	.	-		
2	2310150051	Mai Vũ Phong	18/09/2002	C25LG2		8.0	Tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 01 . Số bài thi: 01 / _____.

Ngày 27 tháng 08 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


AF Thuận Mỹ ML

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Ngọc Bích

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Mã lớp học phần: 24111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích - (04142)

Ngày thi: 20/9/24 Giờ thi: _____ Phòng thi: PM1

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150052	Nguyễn Dương Minh	28/08/2005	C25LG2		-		
2	2310150051	Mai Vũ Phong	18/09/2002	C25LG2		6.6	Sáu, sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 01 . Số bài thi: 01 / _____.

Ngày 28 tháng 09 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Ngọc Bích

Ngày 29 tháng 9 năm 2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Ngọc Bích

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn, sức khỏe và môi trường - MH1104241

Giám thị 1: Phan Thành Tường

Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24111MH110424101 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Phạm Nguyễn Dáng Huyền

Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Ngọc Bích

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 12/11/2024 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005			5,8	Năm, tám	C25LG1	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005			3,4	Ba, bốn	C25LG1	
3	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005			3,3	Ba, ba	C25LG2	
4	2310150025	Y- Bing	20/05/2003			5,8	Năm, tám	C25LG1	
5	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005			6,7	Sáu, bảy	C25LG1	
6	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005			2,2	Hai, hai	C25LG1	
7	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005			9,7	Chín, bảy	C25LG2	
8	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005			4,5	Bốn, năm	C25LG1	
9	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004			3,8	Ba, tám	C25LG2	
10	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002			10,0	Mười, không	C25LG2	
11	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005			9,8	Chín, tám	C25LG2	
12	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005			6,3	Sáu, ba	C25LG1	
13	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004			1,5	Một, năm	C25LG1	
14	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005			9,8	Chín, tám	C25LG2	
15	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005			9,1	Chín, một	C25LG1	
16	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000			10,0	Mười, không	C25LG1	
17	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997			6,2	Sáu, hai	C25LG1	
18	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005			10,0	Mười, không	C25LG1	
19	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005			9,8	Chín, tám	C25LG1	
20	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005			10,0	Mười, không	C25LG2	
21	2310110026	Diễn Gia Nghi	29/05/2005			4,0	Một, không	C25LG1	
22	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005			9,5	Chín, năm	C25LG2	
23	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002			3,5	Ba, năm	C25LG1	
24	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005			5,3	Năm, ba	C25LG1	
25	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005			6,5	Sáu, năm	C25LG1	
26	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005			2,2	Hai, hai	C25LG1	
27	2310150022	Lê Minh Nhựt	24/01/2005			9,7	Chín, bảy	C25LG1	
28	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005			5,8	Năm, tám	C25LG1	
29	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005			10,0	Mười, không	C25LG2	
30	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005			4,6	Bốn, sáu	C25LG2	
31	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005			4,0	Bốn, không	C25LG2	
32	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005			7,0	Bảy, không	C25LG1	
33	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005					C25LG2	Gv/điểm

STT	Mã SV	Họ và tên	Thur	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2310150043	Lê Thái Minh	Thur	14/10/2005			8,0	Tám, Không	C25LG2	
35	2310150045	Lê Thị Cẩm	Tiên	22/06/2005			9,6	Chín, sáu	C25LG2	
36	2310150014	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	26/05/2005			1,4	Một, bốn	C25LG1	
37	2310150042	Nguyễn Cẩm	Tự	30/10/2005			3,0	Ba, Không	C25LG2	
38	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	26/08/2004			6,0	Sáu, Không	C25LG2	
39	2310150009	Nguyễn Mẫn	Vinh	15/07/2005			5,8	Năm, tám	C25LG1	
40	2310150010	Phạm Ngọc Thảo	Vy	03/10/2004			8,3	Tám, ba	C25LG1	
41	2310150004	Nguyễn Hồng	Yến	06/11/2005			10,0	Mười, Không	C25LG1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 40 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 16 tháng 11 năm 2024

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Thuận Thông

Ngày: 15 tháng 11 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Ngọc Bích